

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 457/2020/DS-PT

Ngày: 15/12/2020

V/v tranh chấp: “Hợp đồng
góp hui”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Hoàng Khải;

Các Thẩm phán: Ông Võ Trung Hiếu;

Ông Huỳnh Việt Trung.

-Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Giang, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà Lê Thị Thắm, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 406/2020/TLPT-DS ngày 26/10/2020 về việc tranh chấp: “Hợp đồng góp hui”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 173/2020/DSST ngày 08/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 506/2020/QĐ-PT ngày 27/10/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1970;

Địa chỉ: ấp C, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện uỷ quyền của bà Nguyễn Thị Ng: Chị Dương Thị Kim L, sinh năm 1972; (Theo giấy uỷ quyền được công chứng số 4352 ngày 29/9/2020) (có mặt)

Địa chỉ: Số A ấp H, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị Th, sinh năm 1966; (có mặt)

Địa chỉ: ấp X, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Chị Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1972; (có mặt)

Địa chỉ: ấp X, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

4. *Người làm chứng:*

- Anh Nguyễn Văn A, sinh năm 1985; (có mặt)

Địa chỉ: khu phố C, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Chị Trần Thị Nh, sinh năm 1972; (có mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1975; (vắng mặt)

- Chị Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1985; (vắng mặt)

- Chị Nguyễn Thị Cẩm L, sinh năm 1972; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp X, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

*. Người kháng cáo: Nguyên đơn Nguyễn Thị Ng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm:

* *Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ng trình bày:*

Chị Th có tham gia góp 02 dây hụi do chị Ng làm chủ thảo gồm:

- Dây 1: Hụi 30.000.000 đồng/tháng, khai ngày 09/01/2018 (âm lịch), hụi có 18 phần, chị Th tham gia 02 phần và đóng được 4 kỳ thì hốt 02 phần hụi ở kỳ thứ 5 vào ngày 09/5/2018 (âm lịch) với số tiền 855.200.000 đồng (bỏ hụi 4.800.000 đồng/phần, đã trừ thảo 20.000.000 đồng/phần). Sau khi hốt hụi, chị Th chỉ đóng lại 07 kỳ hụi chết tức là đến tháng 12/2018 (âm lịch) và tính đến ngày mãn hụi là ngày 09/6/2019 (âm lịch) chị Th còn nợ lại 06 kỳ hụi chết với số tiền 360.000.000 đồng.

- Dây 2: Hụi 30.000.000 đồng/tháng, khai ngày 10/6/2018 (âm lịch), hụi có 18 phần, chị Th tham gia 02 phần và đóng được 02 kỳ thì hốt 02 phần hụi ở kỳ thứ 3 vào ngày 10/8/2018 (âm lịch) với số tiền 830.000.000 đồng (bỏ hụi 5.000.000 đồng/phần, đã trừ thảo 20.000.000 đồng/phần). Sau khi hốt hụi, chị Th chỉ đóng lại 02 kỳ hụi chết tức là đến tháng 10/2018 (âm lịch) và tính đến ngày mãn hụi là ngày 10/11/2019 (âm lịch) thì chị Th còn nợ lại 13 kỳ hụi chết với số tiền 780.000.000 đồng. Tuy nhiên tính đến thời điểm khởi kiện, chị Th chỉ vi phạm 11 kỳ hụi chết nên chị Ng chỉ khởi kiện yêu cầu chị Th trả lại tiền hụi chết của 11 kỳ này với số tiền 660.000.000 đồng. Hiện dây hụi này đã mãn, đối với tiền hụi chết của 02 kỳ còn lại là 120.000.000 đồng để hai bên tự thỏa thuận.

Hai lần giao tiền hụi nêu trên thì chị Ng đều có lập biên nhận và chị Th ký tên. Do chị Th không đóng lại hụi chết ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của chị Ng nên chị Ng khởi kiện. Nay chị Ng yêu cầu chị Th trả tổng số tiền hụi chết còn nợ đối với 02 dây hụi nêu trên là 1.020.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi, với thời hạn trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

* *Bị đơn bà Trần Thị Th trình bày:*

Chị không có tham gia góp 02 dây hụi nêu trên như chị Ng trình bày mà chị chỉ chơi dùm chị L1. Chị L1 là người khai hụi, đóng hụi sống và hụi chết đối với 02 dây hụi. Tuy nhiên, chị là người hốt hụi vì chị Ng không cho chị L1 chơi hụi, trong khi chị L1 đang cần tiền làm ăn nên chị đã đứng ra hốt dùm và ký tên vào 02 biên nhận hốt hụi ngày 09/5/2018 (âm lịch) và ngày 10/8/2018 (âm lịch). Sau khi hốt hụi, chị giao lại toàn bộ số tiền cho chị L1 và phía dưới 02 tờ giấy tay hốt hụi chị L1 có viết “*Hụi chị Th chơi dùm em*” và ký tên “*L1*”, khi đó chị có dặn chị L1 là phải đóng hụi chết đầy đủ cho chị Ng. Sau đó, chị L1 giữ 02 tờ giấy tay hốt hụi này để theo dõi đóng lại hụi chết cho chị Ng.

Đến tháng 3/2019 (âm lịch), chị Ng gọi điện thoại cho chị hỏi “*Sao tháng này con Loan không đóng hụi?*”. Chị có hỏi lại chị L1 thì chị L1 xác định: Đối với dây

hụi khui ngày 09/01/2018 (âm lịch) đã đóng hụi chết cho chị Ng đến tháng 12/2018 (âm lịch) và đối với dây hụi khui ngày 10/6/2018 (âm lịch) thì đóng đến tháng 02/2019 (âm lịch), sau đó do không có tiền nên không thể đóng tiếp.

Nay chị Ng yêu cầu chị trả tiền nợ của 02 dây hụi này thì chị cũng đồng ý nhưng chị xin trả tiền vốn còn lại là 605.000.000 đồng sau khi trừ số tiền hụi đã hốt vào tiền hụi sống và hụi chết mà chị L1 đã đóng cho chị Ng và xin trả trong hạn 1 tháng. Ngoài ra, chị yêu cầu sau này chị L1 phải có trách nhiệm trả lại chị số tiền hụi mà chị đã trả cho chị Ng trong vụ án này.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Hồng L trình bày:*

Năm 2018, chị có xin chơi hụi do chị Ng làm thảo để hốt hụi có tiền trả nợ và chi phí cho ghe tiếp tục đánh bắt ngoài biển nhưng trước đó chị đã góp nhiều dây hụi nên chị Ng không đồng ý. Sau đó, chị có nhờ chị Th chơi dùm 02 dây hụi, mỗi dây tham gia 02 phần như chị Th trình bày. Khi khui hụi, chị có gặp chị Ng nói “*Chị cho chị Th chơi hụi*” và chị Ng đồng ý nhưng chị và chị Th đều không cho chị Ng biết việc chị Th chơi hụi dùm chị. Chị là người trực tiếp đóng hụi sống cho chị Ng đối với 02 dây hụi trên nhưng khi đóng hụi thì chị nói với chị Ng là tiền hụi của chị Th nhờ chị đóng dùm. Hai lần chị Th hốt hụi đều do chị gọi điện thoại cho chị Ng nói là “*Chị cho chị Th hốt hụi*” và sau khi chị Ng giao hụi cho chị Th thì chị Th giao lại cho chị toàn bộ tiền hụi đã hốt, cụ thể:

- Ngày 09/5/2018 (âm lịch) với số tiền 855.200.000 đồng.
- Ngày 10/8/2018 (âm lịch) với số tiền là 830.000.000 đồng.

Sau khi nhận tiền hụi, chị Th đều đưa cho chị giấy tay hốt hụi do chị Ng viết và chị Th kêu chị ghi vào phía dưới giấy hụi là “*Hụi chị Th chơi dùm em*” như chị Th trình bày. Sau khi hốt hụi, chị có đóng lại hụi chết cho chị Ng đối với dây hụi 30.000.000 đồng/tháng khui ngày 09/01/2018 (âm lịch) đến tháng 12/2018 (âm lịch) là 07 kỳ và đối với dây hụi 30.000.000 đồng/tháng khui ngày 10/6/2018 (âm lịch) thì đóng đến tháng 02/2019 (âm lịch) là 06 kỳ; sau đó thì ngưng do vỡ nợ nên chị không có tiền để đóng tiếp. Tính đến khi mãn hụi, hiện chị còn nợ lại 06 kỳ hụi chết của dây hụi khui ngày 09/01/2018 (âm lịch) và 09 kỳ hụi chết của dây hụi khui ngày 10/6/2018 (âm lịch). Nay chị Th nhận trả cho chị Ng tiền nợ hụi của 02 dây hụi này thì chị thống nhất với ý kiến chị Th và chị sẽ trả dần cho chị Th số tiền nợ hụi này khi chị Th yêu cầu.

** Người làm chứng chị Nguyễn Thị Cẩm L trình bày:*

Khoảng năm 2018, chị có đến nhà chị Th chơi thì gặp chị Ng giao hụi cho chị Th, khi đó không có mặt chị L1. Chị Th có kêu chị đếm phụ tiền hụi. Chị nghe chị Th nói “*Hụi này là hụi của con Loan*”. Sau đó, chị Th gọi cho chị L1 nói “*Con Ng nó giao hụi nè, mày xuống đây liền*”. Khoảng 15 phút sau, chị L1 đến nhà chị Th thì chị Th giao tiền hụi lại cho chị L1, khi đó chị Ng đã đi về và còn có Nguyễn Văn A là cháu chị Th từ nhà dưới đi lên. Chị không biết tiền hụi các bên giao nhận như nêu trên là bao nhiêu nhưng xác định chị Ng có giao hụi cho chị Th.

Ngoài ra, vào khoảng tháng 3/2019 (âm lịch), khi đến nhà chị Th thì chị có biết việc chị Ng gọi điện thoại cho chị Th hỏi: “*Sao kỳ này con Loan không đóng hụi*”. Sau đó, chị Th gọi điện thoại hỏi chị L1: “*Sao không đóng hụi cho con Ng*” thì chị L1 đến nhà chị Th nói: “*Em có đóng hụi đến tháng 2/2019 (âm lịch), còn*

tháng 3/2019 (âm lịch) thì chưa có tiền đóng”. Và chị L1 gọi điện thoại cho chị Ng nói muốn gặp chị Ng nhưng chị Ng nói: “*Tao mệt lắm không nói chuyện với tui bây nữa*”. Chị còn nghe chị Th nói đây hụi này là đây hụi 30 triệu, con Ng nói con Loan không đóng nữa.

** Người làm chứng chị Nguyễn Thị Tuyết M trình bày:*

Chị là em chồng của chị L1, trước đây chị có nghe chị L1 kể lại do chị L1 đã chơi hụi của chị Ng và còn nợ lại rất nhiều nên chị Ng không cho chị L1 chơi nữa và chị L1 có nhờ chị Th chơi dùm hụi. Chị còn nghe chị L1 nói “chạy tiền” để đóng hụi chết cho chị Ng đối với hụi mà chị Th chơi dùm. Ngoài ra, chị không còn biết, không nghe kể và cũng không chứng kiến hay có mặt tại nhà chị Th vào tháng 3/2019 (âm lịch) như chị Th trình bày.

** Người làm chứng anh Nguyễn Văn A trình bày:*

Anh là cháu ruột của chị Th, khoảng năm 2018, khi đến nhà chị Th, anh có gặp chị L1, chị L2, chị Th và chị Ng. Chị L2 đang ngồi đếm tiền và có nghe nói tiền hụi nhưng không biết bao nhiêu tiền. Hụi do chị Ng giao cho chị L1.

** Người làm chứng chị Trần Thị Nh trình bày:*

Chị là em ruột chị Th, khoảng tháng 3/2019 (âm lịch), khi đến nhà chị Th. Chị có biết việc chị Th nghe điện thoại của chị Ng, sau đó chị Th gọi cho chị L1 hỏi chị L1 sao không đóng hụi cho chị Ng. Sau khi chị L1 xuống nhà chị Th thì có nói với chị Th là đã đóng hụi chết của đây hụi 30 triệu đồng cho chị Ng đến tháng 02, còn tháng 3 chưa đóng.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 173/2020/DSST ngày 08/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ vào:

- Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 24, khoản 3 Điều 28 và khoản 2 Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biên, phường;
- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ng. Buộc chị Trần Thị Th có trách nhiệm trả cho chị Ng số tiền hụi còn nợ là 780.000.000đồng, thực hiện trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của chị Ng về việc yêu cầu chị Th trả tiền hụi chết của đây hụi 30.000.000 đồng/tháng, khai ngày 10/6/2018 (âm lịch) tính từ tháng 11/2018 (âm lịch) đến tháng 02/2019 (âm lịch) với số tiền là 240.000.000 đồng.

3. Về án phí:

- Chị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.000.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.300.000 đồng theo biên lai thu số 47163 ngày 03/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G nên hoàn lại chị số tiền 9.300.000 đồng.

- Chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 17.600.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/9/2020 bị đơn Trần Thị Th kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc chị L1 là người có nghĩa vụ trả cho chị Ng số tiền 780.000.000 đồng. Nếu tòa buộc bà Th là người trả tiền thì bà Th trả cho bà Ng số tiền 605.000.000 đồng chứ không phải 780.000.000 đồng.

Ngày 22/9/2020 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ng kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm buộc bà Th trả cho bà Ng số tiền nợ hui là 1.020.000.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị Dương Thị Kim L là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Thị Ng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Bị đơn Trần Thị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không có sự thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án từ khi thụ lý đến thời điểm chuẩn bị nghị án đều được tiến hành đúng theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng đúng qui định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án, Kiểm sát viên nhận định chị Th là người tham gia chơi 2 dây hui do chị Ng làm chủ hui. Việc chị Thủy cho rằng chị chơi hui dùm chị L1 không được chị Ng thừa nhận nên không có căn cứ chấp nhận được. Về thời gian đóng hui chết được phía bị đơn thừa nhận đến tháng 2/2019 (âm lịch) còn nguyên đơn khai đóng đến tháng 10/2018 (âm lịch) nhưng không có chứng cứ chứng minh nên căn cứ theo lời thừa nhận của bị đơn chấp nhận 1 phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Chấp nhận 1 phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn sửa 1 phần quyết định án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử thẩm tra xem xét. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe lời trình bày và phát biểu tranh luận của chị Dương Thị Kim L đại diện cho nguyên đơn Nguyễn Thị Ng, của bị đơn Trần Thị Th, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Hồng L và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Nguyễn Thị Ng, bị đơn Trần Thị Th thực hiện quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đúng với qui định tại Điều 271, 272, 273 và Khoản 2 Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được tiến hành giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Về tư cách người tham gia tố tụng: Nguyên đơn Nguyễn Thị Ng ủy quyền cho chị Dương Thị Kim L làm người đại diện. Việc ủy quyền được

thực hiện đúng Điều 85, 86 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 135 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tòa sơ thẩm xác định tranh chấp hợp đồng góp hụi là đúng với yêu cầu khởi kiện và tính chất của vụ án thuộc thẩm quyền và phạm vi giải quyết của theo qui định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 11, 280, 351, 357 và 471 của Bộ luật Dân sự 2015. Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ.

[3] Nội dung tranh chấp và yêu cầu giải quyết: Nguyên đơn Nguyễn Thị Ng khởi kiện yêu cầu bị đơn Trần Thị Th trả 360.000.000 đồng của 6 kỳ hụi chết mà chị Th tham gia 2 phần, dây hụi 30.000.000 đồng khai ngày 09/01/2018 (âm lịch) và 660.000.000 đồng của 11 kỳ hụi chết mà chị Th tham gia 2 phần thuộc dây hụi 30.000.000 đồng khai ngày 10/06/2018 (âm lịch). Tổng cộng 1.020.000.000 đồng

Tòa sơ thẩm xử: chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của chị Ng, buộc chị Th trả cho chị Ng 780.000.000 đồng tiền nợ của hai dây hụi trên.

Sau khi xử sơ thẩm thì chị Ng và chị Th đều kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm xét xử lại.

[3.1] Xét yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Ng nhận thấy. Chị Ng yêu cầu chị Th trả 6 kỳ hụi chết của dây hụi 30.000.000 đồng khai ngày 09/01/2018 (âm lịch) mà chị Th tham gia 2 phần là 360.000.000 đồng. Phần nợ này chị Th và chị L1 đều thừa nhận còn thiếu chị Ng 360.000.000 đồng như chị Ng trình bày xem như 2 bên đã thống nhất nên không cần phải chứng minh nữa.

Đối với dây hụi 30.000.000 đồng khai ngày 10/06/2018 (âm lịch) do chị Ng làm chủ thảo, mà chị Th tham gia 2 phần và đều đã hót hụi. Chị Ng cho rằng dây hụi này sau khi hót chị Th đóng hụi chết đến tháng 10/2018 thì ngưng nên tính đến ngày 10/11/2019 mãn hụi, chị Th còn nợ chị 13 kỳ hụi chết. Tuy nhiên đến lúc chị khởi kiện thì chị Th chỉ còn nợ chị 11 kỳ hụi chết với số tiền 660.000.000 đồng. Chị Ng yêu cầu chị Th trả cho chị tiền nợ của dây hụi này là 660.000.000 đồng.

Theo lời khai của chị Th và chị L1 trình bày: Dây hụi khai ngày 10/06/2018 chị Th đứng ra chơi dùm chị L1. Sau khi hót hụi chị Th giao tiền cho chị L1 và đóng hụi chết đến hết tháng 02/2019 thì không còn khả năng đóng nên ngưng luôn (Bút lục 134, 135 và 71, 72).

Như vậy, theo lời thừa nhận của chị Th và chị L1 tại Tòa sơ thẩm và phúc thẩm là ngưng đóng hụi chết từ tháng 03/2019 (âm lịch) đến lúc mãn hụi ngày 10/11/2019 là 9 kỳ bằng 540.000.000 đồng.

Chị Ng khai chị Th đóng hụi chết đến tháng 10/2018 thì ngưng cho đến ngày chị khởi kiện, chị Th còn nợ chị 11 kỳ bằng 660.000.000 đồng. Lời khai của chị Ng không được chị Th, chị L1 thừa nhận. Còn chị Ng không có bất cứ tài liệu chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu của chị theo qui định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự là chị Th còn nợ chị 11 kỳ hụi chết.

Tuy nhiên Tòa sơ thẩm cho rằng chị Ng yêu cầu trả tiền hụi đến tháng 9/2019 (âm lịch) nên chỉ còn 07 kỳ hụi chết bằng 420.000.000 đồng để từ đó chấp nhận 1 phần yêu cầu của chị Ng buộc chị Th trả cho chị Ng 780.000.000 đồng tiền nợ của 2 dây hụi khai ngày 09/01/2018 (âm lịch) và ngày 10/06/2018 (âm lịch) là không phù hợp và trái với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Bởi theo đơn khởi kiện và yêu cầu của chị Ng đòi chị Th trả 11 kỳ hui chết của dây hui khui giấy ngày 10/06/2018 (âm lịch) thành tiền 660.000.000 đồng và 06 kỳ hui chết của dây hui khác ngày 09/01/2018 (âm lịch) thành tiền 360.000.000 đồng. Chị Ng cũng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đúng số tiền theo luật định đối với yêu cầu của chị (Bút lục 12 và 19). Tòa sơ thẩm nhận định chị Th nợ chị Ng 09 kỳ hui chết của dây hui khui ngày 10/06/2018 (âm lịch) là có cơ sở nhưng chỉ buộc chị Th trả cho chị Ng 07 kỳ của dây hui này trong khi vào thời điểm xử sơ thẩm (08/09/2020) thì dây hui này đã mãn từ lâu. Do đó chấp nhận 1 phần yêu cầu kháng cáo của chị Ng. Sửa 1 phần án sơ thẩm. Buộc chị Th trả cho chị Ng 360.000.000 đồng tiền nợ dây hui khui ngày 09/11/2018 (âm lịch) và 540.000.000 đồng tiền nợ dây hui khui ngày 10/06/2018 (âm lịch). Tổng cộng 900.000.000 đồng.

[3.2] Xét yêu cầu kháng cáo của chị Trần Thị Th nhận thấy: Chị Th không thừa nhận mình là người trực tiếp tham gia 2 dây hui do chị Ng làm chủ như chị Ng trình bày, chị cho rằng 04 phần hui của 2 dây hui khui ngày 09/01/2018 (âm lịch) và 10/06/2018 (âm lịch) là chị hơi dùm chị L1, tiền hót hui chị đã giao hết cho chị L1 nên yêu cầu Tòa phúc thẩm xử buộc chị L1 trả nợ tiền hui cho chị Ng. Xét thấy quá trình giải quyết vụ án, chị L1 thừa nhận có nhờ chị Th chơi hui dùm chị và chị Th hót hui giao đầy đủ cho chị. Sau đó, chị L1 trực tiếp đóng hui chết cho chị Ng. Tuy nhiên đó là lời khai của hai chị (Th và Loan). Còn tài liệu có trong hồ sơ thể hiện chị Th là người trực tiếp tham gia 4 phần hui của 2 dây hui do chị Ng làm chủ thảo và đều đã hót, chưa đóng hui chết đầy đủ. Chị Th cũng thừa nhận tại biên bản lấy lời khai, biên bản đối chất, biên bản hòa giải và tại phiên tòa (Bút lục 27, 28, 71, 72, 59, 135) rằng chị là người trực tiếp hót hui, trực tiếp ký tên nhận tiền hót hui do chị Ng giao ngày 09/5/2018 (âm lịch) là 855.200.000 đồng và ngày 10/8/2018 (âm lịch) là 830.000.000 đồng và việc chị chơi hui dùm chị L1 thì chị và chị L1 đều không nói cho chị Ng biết. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị L1 có nộp 2 giấy khui hui ngày 09/01/2018 (âm lịch) và ngày 10/6/2018 (âm lịch). Hai giấy này chị L1 khai “Hui chị Th chơi dùm em Loan” nhưng phần nội dung giao hui là giao cho chị Th, không có sự xác nhận của chị Ng là chị Th chơi hui dùm chị L1 như 2 chị trình bày. Mặt khác 2 chị cũng không có đơn phản tố, đơn yêu cầu độc lập và không nộp tạm ứng án phí nên Tòa sơ thẩm chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của chị Ng buộc chị Th có nghĩa vụ trả tiền nợ hui cho chị Ng mà không xét đến việc chị Th yêu cầu chị L1 trả nợ hui cho chị Ng là phù hợp.

[3.3] Đối với phần kháng cáo của chị Th xin trả phần vốn của 2 dây hui chị đã hót còn nợ lại chị Ng là 605.000.000 đồng. Yêu cầu này của chị Th, chị Ng và người đại diện cho chị Ng đều không đồng ý. Mặt khác, chị Th không cung cấp được tài liệu chứng minh được số tiền hui sống và chết mà chị đã đóng cho chị Ng mà khi khấu trừ thì chỉ nợ 605.000.000 đồng.

Theo nguyên tắc chơi hui là sự tự nguyện, thỏa thuận về quyền và nghĩa vụ của những người tham gia. Việc hót hui là quyền quyết định của người chơi, nhưng khi đã hót hui xong thì phải có nghĩa vụ đóng hui đầy đủ cho chủ hui đến khi mãn. Nguyên tắc này được quy định tại Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Th.

Căn cứ vào các nội dung đã được phân tích và nhận định, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận các yêu cầu kháng cáo của chị Trần Thị Th. Chấp nhận 1 phần yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Ng, sửa 1 phần quyết định án sơ thẩm.

[4] Về án phí:

Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm theo Điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26, 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14. Nhưng bị đơn chị Th có đơn xin miễn giảm tiền án phí vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Kiểng Phước nên căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 giảm 50% án phí dân sự sơ thẩm cho chị Th.

Xét nội dung phân tích và ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 270, Điều 293, khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Trần Thị Th. Chấp nhận 1 phần yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Ng. Sửa 1 phần quyết định án sơ thẩm số 173/2020/DSST ngày 18/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 11, 280, 351, 357, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 24, Điều 28, Điều 30 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hộ, hộ, biểu, phùng, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 và Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về Án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ng. Buộc chị Trần Thị Th có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Ng 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng tiền nợ hộ). Kể từ ngày chị Ng có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị Th chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được qui định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Không chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của chị Ng đòi chị Th trả 2 kỳ hộ chết của hộ hộ khai ngày 10/6/2018 (âm lịch) là 120.000.000 đồng.

3. Về án phí

- Chị Nguyễn Thị Ng phải chịu 6.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm; không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

- Chị Trần Thị Th phải chịu 19.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

• Trả lại cho chị Ng 21.600.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 47163 ngày 03/12/2019 và biên lai thu số 0018008 ngày 22/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang.

• Trả lại chị Th 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0018007 ngày 21/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
 - VKSND tỉnh Tiền Giang;
 - TAND huyện G;
 - CC THADS huyện G;
 - Các đương sự;
 - Phòng KTNV &THA (TAT);
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Hoàng Khải